|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Ngày soạn: 01/03/2025*  *Ngày dạy: 05/03/2025 đến 11/03/2025*  **TIẾT 36+37- BÀI 21: BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG**  **I. Mục tiêu**  **1. Về kiến thức:**  - Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.  - Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển.  - Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.  **2. Về năng lực:**  **\* Năng lực chung**  **-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.  **-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.  **\* Năng lực Địa Lí**  - Năng lực tìm hiểu địa lí:  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có.  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Về phẩm chất:**  -Trách nhiệm: bảo vệ môi trường biển.  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học tập.  - Nhân ái: thông cảm, chia sẻ với những vùng chịu ảnh hưởng của bão.  **II. Thiết bị dạy học và học liệu**  **1. Giáo viên:**  - Hình ảnh Bản đồ biển và đại dương trên thế giới.  - Hình ảnh Bản đồ các dòng biển trong đại dương thế giới.  - Phiếu học tập.  - Video, tranh ảnh về một số biển và đại dương nổi tiếng trên thế giới, hiện tượng sóng, thuỷ triều.  **2. Học sinh**  - Vở ghi bài, dụng cụ học tập  - Sưu tầm các tranh ảnh về biển, đại dương và hiện tượng sóng thần, thuỷ triều.  **III. Tiến trình dạy học**  **1. Hoạt động 1: Mở đầu**  **a. Mục tiêu**  -Kết nối với bài học, tạo tâm thế để bắt đầu tiết học hiệu quả  **b. Nội dung**  - Hát tập thể bài: Bé yêu biển lắm  - Em hãy mô tả những điều em biết về biển?  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của học sinh.  **d. Cách thức tổ chức**   |  | | --- | | **Bước 1**: Giao nhiệm vụ cho học sinh.  - Khởi động với trò chơi BÉ LÀM CA SĨ  - Hát tập thể bài: Bé yêu biển lắm  - Em hãy mô tả những điều em biết về biển? |   **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia trò chơi bằng cách giơ tay nhanh nhất.  **Bước 3:** HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.  - Gọi học sinh bất kì trả lời, các học sinh khác bổ sung ý kiến.  **Bước 4:** Đánh giá và chốt kiến thức  *Nước mặn chiếm 97,5% khối nước trên Trái Đất, gần như toàn bộ nằm trong các biển và đại dương. Nước trong các biển và đại dương có nhiệt độ và độ muối khác nhau theo vĩ độ và luôn vận động*  **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **Hoạt động 2.1. Đại dương thế giới**  **a) Mục tiêu**  + Kể được tên bốn đại dương trên Trái Đất.  + Xác định được vị trí của các đại dương trên bản đồ.  **b) Nội dung:**  Học sinh dựa vào hình 1 và học liệu để hoàn thành nhiệm vụ được giao.  **c) Sản phẩm:**  Câu trả lời của học sinh và hoàn thành phiếu bài tập.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - Bước 1: GV có thể nhắc lại kiến thức bài trước để HS nhớ: Nước biển và đại dương bao phủ 70% diện tích Trái Đất, nó là nguồn cung cấp hơi nước chính cho khí quyển, giúp điểu hoà khí hậu trên bề mặt Trái Đất.  GV giải thích cho HS vì sao chúng ta gọi là đại dương thế giới: nhà thám hiểm Ma-gien-lăng đã đi vòng quanh Trái Đất trên đại dương; điều này chứng tỏ các đại dương liên thông với nhau. Mặc dù các đại dương liên thông với nhau nhưng con người lại chia thành các đại dương bộ phận. Sau đó, GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK và quan sát hình 1 trả lời câu hỏi:  + Em hãy kể tên các đại dương trên thế giới?  + Xác định vị trí các đại dương trên hình 1.  + GV cho HS làm việc theo cặp đôi và dựa vào hình 1 để hoàn thành phiếu học tập số 1.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Đại dương** | **Tiếp giáp các châu lục và đại dương** | | | | | **Phía Bắc** | **Phía Nam** | **Phía Đông** | **Phía Tây** | | Thái Bình Dương |  |  |  |  | | Đại Tây Dương |  |  |  |  | | Ấn Độ Dương |  |  |  |  | | Bắc Băng Dương |  | | | |   - Bước 2: HS quan sát hình và đọc SGK thực hiện nhiệm vụ học tập.  - Bước 3: GV gọi ngẫu nhiên HS trả lời câu hỏi, các bạn khác nhận xét, bổ sung và yêu cầu HS xác định vị trí các đại dương trên bản đồ.  *Lưu ý:* Thái Bình Dương có diện tích lớn nhất, tiếp theo là Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương, nhỏ nhất là Bắc Băng Dương. Các nhóm HS có thể cùng chia sẻ về nguồn gốc các tên gọi "Đại Tây Dương", "Thái Bình Dương",... GV nói thêm về sự ra đời nhiều tranh cãi của "Nam Đại Dương"...  - Bước 4: GV đánh giá nhận xét kết quả làm việc của học sinh và chuẩn kiến thức.   |  | | --- | | **1. Đại dương thế giới**  - Đại dương thế giới là lớp nước liên tục, bao phủ hơn 70% diện tích bề mặt Trái Đất.  - Bao gồm: Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương. |   **Phụ lục**  **Đáp án phiếu học tập số 1**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Đại dương** | **Tiếp giáp các châu lục và đại dương** | | | | | **Phía Bắc** | **Phía Nam** | **Phía Đông** | **Phía Tây** | | Thái Bình Dương | Giáp Bắc Băng Dương | Giáp châu Nam Cực | Giáp bờ tây châu Mỹ | Giáp bờ đông châu Á | | Đại Tây Dương | Giáp Bắc Băng Dương | Giáp châu Nam Cực | Giáp bờ tây châu Âu và  châu Phi | Giáp bờ đông châu Mỹ | | Ấn Độ Dương | Giáp châu Á | Giáp châu Nam Cực | Giáp châu  Á, châu Đại Dương, Thái Bình Dương | Giáp bờ đông châu Phi và Đại Tây Dương | | Bắc Băng Dương | Bao quanh Bắc Cực và giáp với Đại Tây Dương, Thái Bình Dương, châu Âu, châu Á, châu Mỹ. | | | |   **GV bổ sung:** Từ năm 2000, các nhà hải dương học còn thừa nhận là có Nam Băng Dương, thực ra là một bộ phận ở phía nam khoảng vĩ tuyển 60°N của Thái Bình Dương, Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương; là một vùng nước lạnh bao quanh châu Nam Cực.  **Hoạt động 2.2. Độ muối, nhiệt độ của nước biển**  **a) Mục tiêu**  + Biết được độ muối, nhiệt độ trung bình của nước biển.  + Nhận xét được sự thay đổi của độ muối và nhiệt độ giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.  + Giải thích nguyên nhân làm cho độ muối của các biển và đại dương không giống nhau.  **b) Nội dung:**  Học sinh đọc thông tin mục 2 (SGK trang 164) để tìm hiểu về độ muối, nhiệt độ của nước biển và đại dương.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d) Tổ chức thực hiện:**  - Bước 1: GV yêu cầu HS đọc mục 2 (SGK trang 164) và hoạt động cá nhân để tìm hiểu về độ muối, nhiệt độ của nước biển.  + Độ muối và nhiệt độ trung bình của nước đại dương là bao nhiêu?  + Nhận xét sự thay đổi của độ muối và nhiệt độ giữa vùng biển nhiệt đới với vùng biển ôn đới?  + Giải thích tại sao có sự khác nhau về độ muối và nhiệt độ giữa vùng biển nhiệt đới với vùng biển ôn đới?  - Bước 2: Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.  - Bước 3: GV gọi ngẫu nhiên HS trả lời câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Bước 4: GV đánh giá nhận xét kết quả làm việc của học sinh và chuẩn kiến thức.  GV mở rộng: Dựa vào hiểu biết của mình em hãy cho biết:   * Con người đã biết khai thác độ mặn của muối biển và đại dương để làm gì? * Kể tên các vùng sản xuất muối ở nước ta mà em biết? * Chúng ta cần sử dụng muối như thế nào để đảm bảo sưc khỏe?  |  |  | | --- | --- | |  |  |  |  | | --- | | **NỘI DUNG HỌC TẬP**  **2. Độ muối, nhiệt độ của nước biển**  - Độ muối trung bình của nước đại dương là 35‰. Độ muối của nước trong các biển không giống nhau vì tùy thuộc vào lượng nước sông chảy vào nhiều hay ít, lượng mưa và độ bốc hơi lớn hay nhỏ.  - Nhiệt độ trung bình bề mặt toàn bộ đại dương thế giới là khoảng 170C. Nhiệt độ của lớp nước trên mặt biển và đại dương thay đổi theo vĩ độ. |   **Hoạt động 2.3. Một số vận động của nước biển và đại dương**  **a. Mục tiêu:**  + Trình bày được các khái niệm và nguyên nhân hình thành sóng, thuỷ triều, dòng biển.  + Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên với tự nhiên và ảnh hưởng của sóng, thuỷ triều, dòng biển đến đời sống sản xuất của con người.  **b) Nội dung:** HS nghiên cứu tài liệu, hoàn thành phiếu bài tập số 2**.**  **c) Sản phẩm:** HS hoàn thành phiếu bài tập.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh  **Nhiệm vụ 1:** Dựa vào các hình ảnh sau, hãy cho biết các chuyển động của nước biển và đại dương?   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  |   **Nhiệm vụ 2**   |  | | --- | |  |   GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu hoàn thành phiếu học tập số 2,: Nhóm 1,2 (sóng); nhóm 3,4 (thuỷ triều); nhóm 5,6 (dòng biển).   |  |  | | --- | --- | | **Tên các hình thức vận động** | **Nội dung thảo luận** (thời gian 8 phút) | | **a. Sóng**  (N1 + 2) | 1. Trình bày hiện tượng sóng biển (biểu hiện, nguyên nhân).  2. Sóng biển có tác động gì đến thiên nhiên vùng ven biển?  3. Nguyên nhân nào sinh ra sóng thần? Nêu các dấu hiệu và biện pháp ứng phó khi có sóng thần. | | **b. Thủy triều**  (N3 + 4) | 1. Trình bày hiện tượng thủy triều (biểu hiện, nguyên nhân).  2. Thủy triều có ảnh hưởng gì đến sản xuất và sinh hoạt ở các địa phương ven biển?  3. Trên Trái Đất có những loại thủy triều nào? | | **c. Dòng biển**  (N5 + 6) | 1. Dòng biển là gì? Dòng biển được hình thành do đâu?  2. Dòng biển có mấy loại?  3. Dòng biển có ảnh hưởng gì đối với thiên nhiên và hoạt động kinh tế của con người trên biển? |   - Bước 2: HS chia nhóm, thảo luận theo yêu cầu GV về nội dung được giao.  - Bước 3: GV yêu cầu đại diện trình bày kết quả thảo luận, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Bước 4: GV chuẩn xác kiến thức.   |  | | --- | | **NỘI DUNG HỌC TẬP**  **3. Một số dạng vận động của nước biển và đại dương**  **a. Sóng biển :**  - Sóng là sự chuyển động tại chỗ của các lớp nước trên mặt.  - Nguyên nhân chính tạo ra sóng là do gió.  **b. Thuỷ triều:**  - Thủy triều là hiện tượng nước biển dâng lên, hạ xuống trong một thời gian nhất định (trong ngày).  - Nguyên nhân sinh ra thủy triều là do lực hút của Mặt Trăng và Mặt Trời cùng với lực li tâm của Trái Đất.  **c/ Dòng biển.**  - Dòng biển là các dòng nước chảy trong biển và đại dương.  - Có hai loại dòng biển: dòng biển nóng và dòng biển lạnh. |   **Phụ lục**  **Đáp án phiếu học tập số 2**   |  |  | | --- | --- | | **Tên các hình thức vận động** | **Nội dung thảo luận** (thời gian 8 phút) | | **a. Sóng**  (Nhóm 1 + 2) | **1. Trình bày hiện tượng sóng biển (biểu hiện, nguyên nhân).**  - Sóng không phải là sự chuyển động của nước biển từ ngoài khơi xô vào bờ, thực chất sóng biển là sự chuyển động tại chỗ của các phần tử nước.  - Gió là nguyên nhân chính tạo ra sóng. Gió càng mạnh thì sóng càng lớn  **2. Sóng biển có tác động gì đến thiên nhiên vùng ven biển?**  Thay đổi địa hình ven bờ (cảnh quan).  3. **Nguyên nhân nào sinh ra sóng thần? Nêu các dấu hiệu và biện pháp ứng phó khi có sóng thần.**  - Sóng thần là hiện tượng các đợt sóng lớn trên biển được tạo thành từ sự dịch chuyển của lớp vỏ Trái Đất ở dưới đại dương. Sự dịch chuyển này có thể là động đất, nứt gãy lớp vỏ Trái Đất ở các mảng kiến tạo, các thềm lục địa. Đôi khi còn là trận lở đất cực lớn, hoặc phun trào núi lửa  ở dưới biển**.**   * - Các dấu hiệu nhận biết:   + Khi nhận thấy các trận động đất lớn, vì chúng sẽ tạo nên những va chạm dưới lòng đất với đáy biển tác động trực tiếp tới thể thể tích nước.   * + Sự xuất hiện của các hạt bọt nước trên diện rộng, mùi hôi từ nước biển thổi vào. * + Khi đáy biển nghiêng làm cho mực nước rút khỏi bờ có thể lên tới hàng trăm mét, nhiệt độ của nước cao đột ngột, có tiếng nổ lớn ngoài đại dương. * + Hay một số hiện tượng như vệt sáng đỏ chân trời, các đàn hải âu bay ngược biển, tiếng ồn khi sóng va vào bờ biển, trên trời xuất hiện nhiều đám mây đen… * - Biện pháp ứng phó: * Nếu đang ở trên bãi biển, cần quay vào khu vực an toàn một cách nhanh nhất, báo cho mọi người biết để sơ tán kịp thời. | | **b. Thủy triều**  (Nhóm 3 + 4) | **1. Trình bày hiện tượng thủy triều (biểu hiện, nguyên nhân).**  - Biểu hiện: nước biển dâng cao và hạ thấp theo quy luật hằng ngày. Mỗi tháng có hai lần thuỷ triều lên, xuống lớn nhất (triều cường) là các ngày trăng tròn hoặc không trăng; đồng thời có hai lần thuỷ triều lên, xuống nhỏ nhất (triều kém) là các ngày trăng khuyết.  - Nguyên nhân: do lực hút của Mặt Trăng và Mặt Trời cùng với lực li tâm của Trái Đất.  **2. Thủy triều có ảnh hưởng gì đến sản xuất và sinh hoạt ở các địa phương ven biển?**  **- Lợi ích:**  + Cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt.  + Bồi đắp phù sa màu mỡ do các đồng bằng.  + Có giá trị về thủy điện và thủy lợi.  + Giao thông vận tải và du lịch.  + Cải tạo môi trường.  + Nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản.  - Tác hại:  + Triều cường lên cao gây ngập úng.  **3. Ở biển và đại dương có những loại thủy triều nào?**  Có 3 loại thủy triều, đó là bán nhật triều (mỗi ngày thủy triều lên xuống 2 lần), nhật triều (mỗi ngày lên xuống 1 lần) và triều không đều (có ngày lên xuống 1 lần, có ngày lại 2 lần) | | **c. Dòng biển**  (Nhóm 5 + 6) | **1. Dòng biển là gì? Dòng biển được hình thành do đâu?**  - Dòng biển là các dòng nước chảy trong biển và đại dương.  - Nguyên nhân chính tạo nên các dòng biển là gió. Gió luôn thay đổi, nhưng các dòng biên tương đối ổn định. Hướng dòng biển phụ thuộc vào hướng gió thịnh hành. Những dòng biển lớn thường theo các gió thường xuyên: Tín phong, gió tây ôn đới, gió đông cực.  **2. Dòng biển có mấy loại?**  Có hai loại dòng biển: Dòng biển nóng chảy từ vĩ độ thấp lên vĩ độ cao và dòng biển lạnh chảy từ vĩ độ cao xuống vĩ độ thấp. Dòng biển nóng hay lạnh là so với nhiệt độ nước biển xung quanh.  **3. Dòng biển có ảnh hưởng gì đối với thiên nhiên và hoạt động kinh tế của con người trên biển?**  - Dòng biển có ảnh hưởng lớn đến khí hậu của các vùng đất ven biển mà chúng chảy qua. Dòng biển nóng làm tăng nhiệt độ không khí ở các vùng đất ven bờ và tạo điều kiện nước biển bốc hơi tạo mây mưa nếu được gió đưa vào bờ. Dòng lạnh làm giảm nhiệt độ ven bờ, hơi nước trong các khối khí qua dòng lạnh bị chặn lại hình thành sương mù ngoài biển, nên khối khí qua dòng lạnh vào bờ thường có tính chất khô hạn hình thành hoang mạc ở các vùng ven bờ.  - Những nơi gặp gỡ của dòng biển nóng và lạnh là nơi có nguồn cá biển phong phú. |   **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  **a) Mục tiêu:** Củng cố, khắc sâu nội dung bài học.  **b) Nội dung:**  Câu 1. Phân biệt ba dạng vận động của nước biển và đại dương:  HS có thể kẻ bảng để phân biệt ba dạng vận động của nước biển và đại dương, phân biệt về nguyên nhân, biểu hiện.  Câu 2: Dựa vào hình 3, kể tên hai dòng biển nóng và hai dòng biển lạnh ở Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - Bước 1: HS hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi.  - Bước 2: HS thực hiện niệm vụ.  - Bước 3: GV gọi ngẫu nhiên cá nhân trả lời câu hỏi. HS khác bổ sung.  - Bước 4: GV nhận xét phần trả lời của HS và chuẩn xác kiến thức.  Câu 1:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Biểu hiện** | **Nguyên nhân** | | Sóng | Những đợt xô vào bờ. | Do gió. | | Thuỷ triều | Nước biển dâng cao và hạ thấp theo quy luật hằng ngày. | Do Lực hút của Mặt Trăng và Mặt Trời cùng với lực li tâm của Trái Đất. | | Dòng biển | Dòng chảy có nhiệt độ cao hơn hoặc thấp hơn vùng biển xung quanh. | Do các loại gió thường xuyên. |   Câu 2:  *+ Ở Thái Bình Dương:* Các dòng biển nóng là dòng biển Bắc Xích Đạo, dòng biển Nam Xích Đạo, dòng biển Cư-rô-si-ô, dòng biển Đông Ô-xtrây-li-a, dòng biển Bắc Thái Bình Dương. Các dòng lạnh là dòng biển Ca-li-phoóc-ni-a, dòng biển Pê-ru, dòng biển Bê-rinh.  *+ Ở Đại Tây Dương:* Các dòng biển nóng là dòng biển Gơn-xtơ-rim, dòng biển Bắc Đại Tây Dương, dòng biển Bắc Xích Đạo, dòng biển Guy-a-na, dòng biển Nam Xích Đạo, dòng biển Bra-xin. Các dòng biển lạnh là dòng biển Ca-na-ri, dòng biển Ben-ghê-la, dòng biển Phôn-len.  **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  **a) Mục tiêu**  -HS biết sưu tầm những thông tin, tư liệu về các nội dung đã học.  **b) Nội dung:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ ở nhà với các nội dung sau (HS được chọn 1 trong 2 nội dung):  1. Sưu tầm thông tin về việc con người khai thác năng lượng từ sóng và thuỷ triều.  2. Hãy sưu tầm tư liệu về ảnh hưởng của dòng biển nóng và dòng biển lạnh đối với các vùng ven bờ nơi chúng chảy qua.  3. Chúng ta đã khai thác nguồn năng lượng sóng và thủy triều để làm gì?  4. Liên hệ với thực trạng xâm nhập mặn ở vùng ĐB Sông Cửu Long?    **c) Sản phẩm:** sản phẩm của học sinh.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho học sinh như mục nội dung và yêu cầu thực hiện nghiêm túc.  - Bước 2: GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ.  - Bước 3: GV yêu cầu nộp sản phẩm vào tiết tới.  - Bước 4: GV kiểm tra, nhận xét, đánh giá một số học sinh.  \*Hướng dẫn học tập  - Học bài, hoàn thành bài tập trong sách bài tập  - Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa kì |

*Ngày soạn: 09/03/2025*

*Ngày dạy: 12/03/2025*

**TIẾT 38: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức**

Giúp học sinh ôn tập, củng cố, đánh giá được những kiến thức mình đã nắm trong học kì 1 môn Lịch Sử và Địa lí 6; phát hiện ra những lỗ hổng kiến thức của mình, từ đó có phương pháp học đúng đắn và hiệu quả hơn

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Rèn luyện cho học sinh kĩ năng hệ thống, đối chiếu, so sánh, làm bài kiểm tra;

- Liên hệ với thực tế, bản thân.

**3. Phẩm chất**

Giáo dục học sinh ý thức tự giác, trung thực, nghiêm túc.

**II. HÌNH THỨC: Trắc nghiệm+ tự luận**

**III. MA TRẬN, ĐẶC TẢ KIỂM TRA.**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | | **Thông hiểu**  **(TL)** | | **Vận dụng**  **(TL)** | | **Vận dụng cao**  **(TL)** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | | | | | |
| **1** | **KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**  **(2,5 điểm =25%)** | – Các tầng khí quyển. Thành phần không khí.  – Các khối khí. Khí áp và gió.  – Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu  – Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó. | 4  (1,0đ) |  |  | 1/2  (1,0đ) |  |  |  | 1/2  (0,5đ) | 5 câu= 25%  = 2,5điểm |
| **2** | **NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT**  **(2,5 điểm=25%)** | – Các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.  – Vòng tuần hoàn nước.  – Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ  – Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển  – Nước ngầm và băng hà | 4  (1,0đ) |  |  | 1/2  (0,5đ) |  | 1/2  (1,0đ) |  |  | 5câu= 25 % =2,5điểm |
| ***Tỉ lệ*** | | | ***20%*** | | ***15%*** | | ***10%*** | | ***5%*** | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề**  **(1)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức**  **(2)** | **Mức độ đánh giá**  **(3)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức (4)** | | | | **Tổng số câu/ Tỉ lệ %** | |
|  | ***Nhận biết***  ***(TNKQ)*** | ***Thông hiểu***  ***(TL)*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |  |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | | | |
| 1  2 | KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU | – Các tầng khí quyển. Thành phần không khí  – Các khối khí. Khí áp và gió  – Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu  – Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó. | **Nhận biết**  – Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu;  – Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.  – Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.  – Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.  **Thông hiểu**  - Hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic đối với tự nhiên và đời sống.  – Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu: ranh giới, nhiệt độ, lượng mưa, chế độ gió.  – Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.  – Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa.  **Vận dụng**  – Biết cách sử dụng nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế.  **Vận dụng cao**  – Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa; xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới.  – Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. | 4TN | 1TLa |  | 1TLb | 5 câu 25% = 2,5 điểm |
| 2 | **NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT** | – Các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển  – Vòng tuần hoàn nước  – Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ  – Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển  – Nước ngầm và băng hà | **Nhận biết**  – Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.  – Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.  – Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn.  – Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.  – Trình bày được khái niệm các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển.  **Thông hiểu**  – Trình bày được nguyên nhân của các hiện tượng thủy triều, các hiện tượng sóng, dòng biển, phân bố các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới)  - Trình bày được mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.  **Vận dụng**  – Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.  – Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.  **Vận dụng cao**  – Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ. | 4TN | 1TLa | 1TLb |  | 5 câu 25% = 2,5 điểm |
| Số câu/ loại câu | | |  | 8 câu TNKQ | 1 câu TL (1a, 2a) | 1 câu TL (1b) | 1 câu TL (2b) |  |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** |  |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**A.Trắc nghiệm: (2,0 điểm)**

**Câu 1: Loại gió nào thổi quanh năm theo một chiều, từ khoảng 300Bắc và Nam về xích đạo?**

A. Gió Tây ôn đới . B. Gió Đông cực.

C. Gió Mậu dịch . D. Gió đất.

**Câu 2: Lớp ôdôn có ở tầng nào của khí quyển?**

A. Tầng đối lưu. B. Tầng bình lưu.

C. Các tầng cao khí quyển. D. Ngay bề mặt đất.

**Câu 3: Nhiệt độ không khí thay đổi như thế nào theo vĩ độ?**

A . Không thay đổi.

B. Biến đổi thất thường.

C.Càng gần cực nhiệt độ không khí càng thấp.

D.Càng gần cực nhiệt độ không khí càng cao.

**Câu 4:Các đai khí áp thấp phân bố ở**

A.chí tuyến bắc và nam.

B. xích đạo.

C.xích đạo và vĩ tuyến 60 độ Bắc và nam.

D. vĩ tuyến 600 bắc và nam

**Câu 5. Thành phần của thủy quyển gồm**

A. nước mặn.

B. nước ngọt.

C. nước ngầm.

D. nước mặn và nước ngọt

**Câu 6. Một hệ thống sông bao gồm**

A. chi lưu và sông chính

B. phụ lưu và chi lưu

C. phụ lưu và sông chính

D. sông chính, phụ lưu và chi lưu

**Câu 7. Đại dương nào sau đây nằm giữa châu Phi và châu Mỹ?**

A Ấn Độ Dương

B. Thái Bình Dương.

C. Đại Tây Dương

D. Bắc Băng Dương.

**Câu 8. Hiện tượng nước biển dâng cao và hạ thấp theo quy luật hằng ngày gọi là**

A. sóng biển.

B. thủy triều.

C. dòng biển.

D. triều cường.

**B. Tự luận: 3 điểm**

**Câu 1. (1,5 điểm):**

a) Dựa vào kiến thức đã học và vốn hiểu biết của bản thân, em hãy mô tả hiện tượng hình thành mây mưa? (1,0 điểm)

b) Trình bày một số biện pháp phòng tránh khi xảy ra động đất? (0,5 điểm)

**Câu 2 (1,5 điểm)**

a) Em hãy cho biết nguyên nhân sinh ra thủy triều. (0,5 điểm)

b) Hãy nêu sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.(1,0 điểm)

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**A.TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm/8 câu)*(Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | **C** | **B** | **C** | **C** | **D** | **D** | **C** | **B** |

**B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **1** | **a. Quá trình hình thành mây, mưa:**  - Do sức nóng của MT, nước từ sông, hồ, đại dương… bốc hơi, cung cấp hơi nước cho khí quyển;  - Sau đó hơi nước ngưng tụ thành mây – các hạt nước trong mây lớn dần và khi đủ nặng sẽ rơi xuống thành mưa | **0,5**  **0,5** |
| **b. Một số biện pháp phòng tránh khi xảy ra động đất:**  - Cố gắng giữ bình tĩnh và tìm nơi trú ẩn dưới gầm bàn hoặc đồ nội thất chắc chắn, lấy tay ôm chặt đầu và mặt  - Cần tránh xa những đồ vật thủy tinh hay các đồ vật có thể rơi như đèn chiếu sáng, quạt trần....... | **0,25**  **0,25** |
| **2** | 1. **nguyên nhân sinh ra thủy triều:**   - Nguyên nhân sinh ra thủy triều:  + Do sức hút của mặt trăng và mặt trời  + Do lực li tâm dây ra | **0,25**  **0,25** |
| **b. Sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới**  ***\** Về nhiệt độ:**  - Vùng biển nhiệt đới: dao động từ 24 - 27oC  - Vùng biển ôn đới: dao động từ 16 - 18 oC  ***\** Về độ muối:**  -Vùng biển nhiệt đới: khoảng 35-36o/oo  - Vùng biển ôn đới: khoảng 34-35o/oo | **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |

**IV. Hướng dẫn học tập**

- Gv thu bài, nhận xét ý thức làm bài của HS

- Chuẩn bị trước Bài 22: Lớp đất trên Trái Đất- *Tiết 1: Các tầng đất. Thành phần của đất*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Duyệt của BGH** | **Duyệt của TTCM** | **Giáo viên soạn** |
|  |  |  |
|  | **Đào Thị Phúc** | **Dương Thị Loan** |